SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÂM ĐỒNG

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT PHAN ĐÌNH PHÙNG - ĐAM RÔNG

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10

Nam học: 2025 - 2026

Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
MÓC H'	ĐUYÊN	20/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	M' nông	1.0		10	10	10	10	41.0	8.6	17.2	Trường PT DTNT THCS huyện Đam Rông	TN THCS trường PT DTNT	TT
H NATHA	NIÊ	03/05/2010	Đắk Lắk	Nữ	Ê-đê	1.0		10	10	10	10	41.0	8.4	15.5	Trường THCS Trần Phú		NV1
NGUYỄN HOÀNG NGỌC	BÍCH	04/05/2010	Đắk Lắk	Nữ	Tày	1.0		10	10	10	10	41.0	8.3	15.9	Trường THCS Quảng Hoà		NV1
NGUYỄN KHÁNH	THI	25/01/2010	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.4	18.4	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
ĐINH THỊ ÁNH	TUYẾT	26/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Mường	1.0		10	9	10	10	40.0	9.3	18.6	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
TRẦN THỊ MỸ	DIỆU	17/03/2010	Đắk Lắk	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.3	18.5	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
ĐẶNG NGUYỄN DIỆU	ANH	10/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.2	18.5	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
NINH ĐÀO HÀ	MY	05/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.2	17.9	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
BÙI THỊ THANH	BÌNH	16/02/2010	Đắk Nông	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.1	17.7	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
PHẠM GIA	HƯNG	10/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.0	17.5	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
LÊ THỊ THÁI	NGÂN	23/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.0	17.3	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
LƯU KHẢ	VY	04/12/2009	Tiền Giang	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.9	16.9	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
NGUYỄN LÊ MINH	PHƯƠNG	09/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.8	18.1	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	12/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.8	17.6	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
HOÀNG ĐỨC	HUY	30/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.7	16.7	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
LÊ THU	THƯƠNG	28/11/2010	Thái Nguyên	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.6	16.9	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
PHAN THỤC	QUYÊN	24/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.6	16.7	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
NGUYỄN NGỌC THIÊN	THƯ	16/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.5	16.5	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
NÔNG NGỌC ĐAN	VY	28/12/2010	Đắk Nông	Nữ	Nùng	1.0		10	9	10	10	40.0	8.5	16.3	Trường THCS Quảng Hoà		NV1
PHÙNG ĐỨC	TRUNG	25/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.1	15.3	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
NGUYỄN NGỌC ANH	KHUÊ	07/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	9	10	39.0	8.6	16.9	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
NGUYỄN TỐNG THANH	TRÚC	04/08/2010	Đắk Lắk	Nữ	Kinh			9	10	10	10	39.0	8.6	16.7	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
TRẦN LÊ BẢO	HÒA	02/05/2010	Đắk Lắk	Nữ	Kinh			10	10	9	10	39.0	8.5	16.9	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
TRẦN ĐĂNG	DƯƠNG	01/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	9	39.0	8.4	17.1	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
									Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
5	PHÙNG ÁNH	PHƯƠNG	09/10/2010	Đắk Lắk	Nữ	Kinh			10	10	9	10	39.0	8.3	16.6	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV 1
6	NÔNG THỊ KHÁNH	BĂNG	25/08/2010	Đắk Lắk	Nữ	Tày	1.0		9	9	10	10	39.0	8.3	16.0	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV 1
7	ĐỖ THỊ LAN	ANH	19/06/2010	Thanh Hóa	Nữ	Kinh			10	10	9	10	39.0	8.3	15.5	Trường THCS Trần Phú		NV 1
8	PHÙNG THỊ DIỆU	CHÂU	19/01/2010	Đắk Lắk	Nữ	Kinh			9	10	10	10	39.0	8.3	15.5	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV 1
9	TRẦN THỊ	LINH	11/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	9	10	39.0	8.3	15.0	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV 1
0	NGUYỄN NHẬT TÂM	AN	21/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	9	10	39.0	8.2	16.8	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV 1
1	NGUYỄN THỊ HÀ	VÂN	11/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	9	10	39.0	8.2	16.7	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV 1
2	LÊ TRUNG	DŨNG	04/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0		10	10	9	9	39.0	8.1	14.8	Trường DTNT Tây Nguyên-Đắk Lắk		NV 1
3	PHẠM QUỲNH	NHƯ	10/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	9	10	39.0	8.1	14.5	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV 1
4	LÊ THU	HƯƠNG	06/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	9	39.0	8.0	15.5	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV 1
5	LÊ PHAN KHÁNH	LY	18/03/2010	Quảng Bình	Nữ	Kinh	1.0		10	10	9	9	39.0	8.0	15.4	Trường THCS Trần Phú		NV 1
6	VÕ LINH	ĐAN	11/12/2010	Quảng Bình	Nữ	Kinh			10	10	10	9	39.0	7.6	13.6	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV 1
7	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	27/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Mường	1.0		10	9	9	9	38.0	8.3	15.3	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV 1
8	DƯƠNG THỊ ÁNH	NGUYỆT	17/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	9	9	38.0	8.2	15.7	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV 1
9	HOÀNG HÀ	NHI	18/05/2010	Đắk Lắk	Nữ	Nùng	1.0		9	9	9	10	38.0	8.1	14.8	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV 1
0	VŨ BÌNH	MINH	26/02/2010	Đắk Lắk	Nam	Kinh			10	9	9	10	38.0	8.1	14.7	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV 1
1	DƯƠNG MINH	VŨ	26/02/2010	Đắk Lắk	Nam	Kinh			9	9	9	10	37.0	8.4	16.3	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV 1
2	LÊ THỊ KHÁNH	VY	17/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	10	37.0	8.3	15.9	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV 1
3	HỒ THỊ QUỲNH	VY	16/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	10	37.0	8.3	15.8	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV 1
4	NGUYỄN BẢO	NGỌC	04/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0		10	9	9	8	37.0	8.1	15.2	Trường THCS Trần Phú		NV 1
5	DƯƠNG DOÃN	BÌNH	23/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	10	37.0	8.1	15.0	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV 1
6	VÕ ĐÌNH BẢO	NGUYÊN	10/10/2010	Đắk Lắk	Nam	Kinh			9	9	9	10	37.0	8.0	14.9	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV 1
7	PANG TING H'	NHUNG	08/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	M' Nông	1.0		9	9	9	9	37.0	7.8	15.4	Trường PT DTNT THCS huyện Đam Rông	TN THCS trường PT DTNT	TT
8	MA A	HA	08/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0		9	9	9	9	37.0	7.6	14.0	Trường THCS Trần Phú		NV 1
9	GIÀNG THỊ	PHƯƠNG	05/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	H'Mông	1.0		9	9	9	9	37.0	7.4	13.2	Trường THCS Trần Phú		NV 1
0	HOÀNG THANH	NGUYỆT	22/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0		9	9	9	9	37.0	7.4	12.9	Trường THCS Trần Phú		NV 1
1	NHƠM H'	TÂM	13/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	M'nông	1.0		9	9	9	9	37.0	7.3	13.2	Trường THCS Trần Phú		NV 1

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
									Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
52	NGUYỄN BÁ TUẤN	ANH	04/12/2010	Thanh Hóa	Nam	Mường	1.0		9	9	9	9	37.0	7.2	14.3	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
53	BÙI QUỲNH	HƯƠNG	01/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Mường	1.0		9	9	9	9	37.0	7.2	13.6	Trường THCS Trần Phú		NV1
54	VÀNG THỊ	LIÊN	12/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0		9	9	9	9	37.0	7.1	12.4	Trường THCS Trần Phú		NV1
55	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	18/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36.0	8.4	15.9	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
56	NGUYỄN THỊ KIM	LIÊN	20/02/2010	Đắk Lắk	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36.0	8.1	15.6	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
57	VŨ MINH NGỌC	CHÂU	09/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.9	14.3	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
58	TRẦN VŨ THÙY	LINH	21/03/2010	Đắk Lắk	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.8	15.8	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
59	NGUYỄN LẠI TRÀ	MY	08/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0		9	9	9	8	36.0	7.8	15.8	Trường THCS Trần Phú		NV1
60	NGUYỄN HOÀI	LINH	22/02/2010	Đắk Lắk	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.8	15.6	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
61	ĐINH THÙY	DƯƠNG	29/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.8	13.6	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
62	PHẠM VĂN	HIỆP	11/11/2010	Đắk Lắk	Nam	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.7	16.0	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
63	NGUYỄN ANH	TUẤN	12/02/2010	Nghệ An	Nam	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.6	14.7	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
64	TRỊNH MINH	ĐỨC	03/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Mường	1.0		9	9	9	8	36.0	7.6	14.6	Trường THCS Trần Phú		NV1
65	NGUYỄN VĂN	MINH	24/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0		8	9	9	9	36.0	7.6	13.9	Trường THCS Trần Phú		NV1
66	LÊ BẢO	ANH	20/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.6	13.7	Trường THCS Trần Phú		NV1
67	H' DUYÊN	BKRÔNG	22/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	M' Nông	1.0		9	9	9	8	36.0	7.4	14.5	Trường PT DTNT THCS huyện Đam Rông	TN THCS trường PT DTNT	TT
68	NÔNG THỊ MINH	HẰNG	26/04/2010	Đắk Lắk	Nữ	Tày	1.0		9	9	9	8	36.0	7.4	14.4	Trường PT DTNT THCS huyện Đam Rông	TN THCS trường PT DTNT	TT
69	BÙI THỊ THẢO	MY	23/09/2010	Đắk Lắk	Nữ	Kinh			9	9	9	9	36.0	7.3	14.3	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
70	TRẦN ANH	TÚ	08/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0		8	9	9	8	35.0	7.7	14.3	Trường THCS Trần Phú		NV1
71	BÀN THỊ HUYỀN	DIỆU	21/06/2010	Cao Bằng	Nữ	Dao	1.0		7	9	9	9	35.0	7.5	13.8	Trường THCS Trần Phú		NV1
72	SÙNG THỊ	LAM	01/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0		7	9	9	9	35.0	7.5	13.7	Trường THCS Trần Phú		NV1
73	HOÀNG VĂN	QUÂN	24/04/2010	Lâm Đồng	Nam	H'Mông	1.0		7	9	9	9	35.0	7.5	13.6	Trường THCS Trần Phú		NV1
74	VŨ THỊ TƯỜNG	VY	07/07/2010	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	1.0		7	9	9	9	35.0	7.4	14.1	Trường THCS Trần Phú		NV1
75	SĂR DƠNG H'	XUYÊN	10/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Mơ Nông	1.0		7	9	9	9	35.0	7.2	13.0	Trường THCS Trần Phú		NV1
76	PANG LỨT H	CÚC	06/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	M' Nông	1.0		7	9	9	9	35.0	7.1	13.1	Trường PT DTNT THCS huyện Đam Rông	TN THCS trường PT DTNT	TT
77	HOÀNG MINH	THÁI	13/04/2009	Đắk Lắk	Nam	Kinh			10	9	9	7	35.0	7.0	11.5	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
78	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG	16/04/2010	Đắk Lắk	Nam	Kinh	1.0		9	9	7	9	35.0	6.9	12.1	Trường THCS Trần Phú		NV1
79	TRẦN MINH	THÔNG	01/04/2010	Đắk Lắk	Nam	Kinh			6	9	9	10	34.0	8.0	14.9	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
									Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
80	NGUYỄN VĂN	TOÀN	05/05/2009	Đắk Lắk	Nam	Kinh			7	9	9	9	34.0	7.7	13.2	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
81	NGUYỄN THỊ MỸ	TÂM	11/03/2010	Bình Định	Nữ	Kinh			9	9	7	9	34.0	7.6	16.0	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
82	NGUYỄN VĂN	PHƯỚC	17/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	9	9	9	34.0	7.5	12.4	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
83	VÕ THỊ HỒNG	NHUNG	08/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0		8	9	9	7	34.0	7.4	12.5	Trường THCS Trần Phú		NV1
84	RƠ NANG H'	THUYÊN	24/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	M' nông	1.0		7	9	9	8	34.0	7.1	13.6	Trường PT DTNT THCS huyện Đam Rông	TN THCS trường PT DTNT	TT
85	NGUYỄN HOÀNG CẨM	TÚ	04/07/2010	Khánh Hòa	Nữ	Kinh			9	9	7	9	34.0	7.1	13.5	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
86	NGUYỄN VĂN	THANH	16/06/2010	Đắk Lắk	Nam	Kinh			9	9	7	9	34.0	7.1	12.2	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
87	NGUYỄN TƯỜNG	NGUYÊN	08/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	7	9	9	34.0	6.9	12.9	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
88	VY HOÀNG KIẾN	AN	05/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Tày	1.0		7	9	7	9	33.0	7.4	14.2	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
89	LÝ VĂN	HÙNG	02/06/2010	Đắk Lắk	Nam	Nùng	1.0		7	9	7	9	33.0	7.4	13.6	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
90	PHẠM HỒNG YẾN	NHI	11/03/2010	Đắk Lắk	Nữ	Kinh			7	9	9	8	33.0	7.3	12.3	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
91	NGÔ ĐẶNG PHƯƠNG	THẢO	22/09/2010	Đắk Lắk	Nữ	Kinh			9	9	6	9	33.0	7.1	14.0	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
92	NGUYỄN ĐỨC GIA	BẢO	18/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	8	8	7	33.0	6.9	12.3	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
93	TRƯƠNG NGUYỄN BẢO	NGỌC	20/04/2010	Đắk Lắk	Nữ	Mường	1.0		9	7	7	9	33.0	6.8	12.1	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
94	TRÊ	THẾ	05/04/2010	Lâm Đồng	Nam	M'nông	1.0		9	9	7	7	33.0	6.8	11.8	Trường THCS Trần Phú		NV1
95	HÀ THỊ LAN	ANH	03/07/2010	Hà Tĩnh	Nữ	Thái	1.0		9	9	7	7	33.0	6.7	11.3	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
96	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	ANH	17/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	7	7	9	32.0	8.1	15.4	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
97	ĐẶNG ANH	TUẤN	29/06/2008	Đắk Lắk	Nam	Kinh			7	7	9	9	32.0	7.7	14.6	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
98	ĐỖ THỊ QUỲNH	NHƯ	26/08/2010	Quảng Nam	Nữ	Kinh			9	7	7	9	32.0	7.6	14.5	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
99	TRẦN QUỲNH	NHI	18/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	6	9	8	32.0	7.5	15.2	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
100	NGUYỄN PHẠM TIẾN	ĐẠT	22/08/2010	Đắk Lắk	Nam	Kinh			7	7	9	9	32.0	7.4	14.0	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
101	LÙ THỊ	PHÚ	07/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0		7	7	9	8	32.0	7.4	14.0	Trường PT DTNT THCS huyện Đam Rông	TN THCS trường PT DTNT	TT
102	LÊ TRẦN THẢO	NHI	20/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			7	7	9	9	32.0	7.2	13.1	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
103	K'	LỤC	05/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Mạ	1.0		6	7	9	9	32.0	7.1	12.8	Trường PT DTNT THCS huyện Đam Rông	TN THCS trường PT DTNT	TT
104	NGUYỄN ĐỨC	ANH	10/10/2010	Đắk Lắk	Nam	Kinh	1.0		9	9	6	7	32.0	7.1	12.6	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
									Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
105	BẠCH ĐỨC	THIỆN	04/01/2010	Đắk Lắk	Nam	Kinh			9	7	7	9	32.0	6.8	13.1	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
106	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	09/03/2010	Đắk Lắk	Nữ	Kinh			9	9	7	7	32.0	6.7	12.5	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
107	THÂN QUANG	TÙNG	23/10/2010	Đắk Lắk	Nam	Kinh			9	7	6	9	31.0	7.6	15.9	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
108	LƯƠNG VŨ	HÒA	01/08/2010	Đắk Lắk	Nam	Nùng	1.0		7	7	7	9	31.0	7.5	14.6	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
109	LÊ THỊ TRÀ	MY	13/03/2010	Đắk Lắk	Nữ	Kinh			9	6	8	8	31.0	7.5	13.7	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
110	KƠ SĂ K	HƯƠNG	22/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		7	7	7	9	31.0	7.3	13.6	Trường Phổ Thông DTNT THCS&THPT tỉnh Lâm Đồng	TN THCS trường PT DTNT	TT
111	K' LÊ	VÊ	04/04/2009	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	1.0		7	7	7	9	31.0	7.3	12.9	Trường THCS Trần Phú		NV1
112	NGUYỄN XUÂN	HAI	30/08/2010	Thanh Hóa	Nam	Kinh	1.0		7	7	7	9	31.0	7.1	12.7	Trường THCS Trần Phú		NV1
113	HÀ LÊ	UYÊN	16/05/2010	Nghệ An	Nữ	Thái	1.0		7	7	7	9	31.0	6.9	13.2	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
114	PHẠM BẢO	THÁI	03/12/2010	Đắk Lắk	Nam	Kinh			7	9	6	9	31.0	6.9	12.3	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
115	MA A	NA	29/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0		7	7	9	7	31.0	6.9	12.0	Trường THCS Trần Phú		NV1
116	NGUYỄN VĂN	TÚ	17/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0		9	7	7	7	31.0	6.9	11.6	Trường THCS Trần Phú		NV1
117	CHÁNG VĂN	SINH	11/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0		7	7	9	7	31.0	6.8	11.7	Trường THCS Trần Phú		NV1
118	PANG TING H'	DUYN	05/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	M'nông	1.0		7	9	7	7	31.0	6.6	12.4	Trường THCS Trần Phú		NV1
119	HOÀNG NGỌC	VŨ	22/06/2010	Đắk Lắk	Nam	Kinh			7	7	7	9	30.0	7.5	13.6	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
120	TRẦN THỊ NGỌC	ÁNH	21/05/2010	Đắk Lắk	Nữ	Kinh			7	7	7	9	30.0	7.4	14.1	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
121	TRẦN NGỌC PHƯỚC	THỊNH	13/10/2010	Quảng Bình	Nam	Kinh			7	9	7	7	30.0	7.2	11.9	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
122	NGUYỄN VIỆT	ANH	01/01/2010	Đắk Lắk	Nam	Kinh			9	8	6	7	30.0	7.0	11.9	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
123	LƠ MU RU	TƠ	15/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cil	1.0		7	7	9	6	30.0	6.8	11.7	Trường THCS Trần Phú		NV1
124	NGUYỄN DUY	KHOA	09/04/2009	Bình Thuận	Nam	Kinh			9	9	6	6	30.0	6.5	11.7	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
125	CHU VIỆT	THÁI	13/03/2010	Đắk Lắk	Nam	Kinh			6	9	6	8	29.0	7.3	13.8	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
126	CHU HỒ HẢI	NAM	11/08/2009	Bình Dương	Nam	Kinh			6	7	7	9	29.0	7.1	15.4	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
127	TRẦN THỊ CẨM	VÂN	06/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0		7	7	7	7	29.0	7.1	11.8	Trường THCS Trần Phú		NV1
128	K'	SÔN	04/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Mạ	1.0		7	7	7	7	29.0	6.9	11.8	Trường THCS Trần Phú		NV1
129	K' A LY JA	BÉP	25/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	1.0		7	7	7	7	29.0	6.9	11.6	Trường THCS Trần Phú		NV1
130	PANG TING Y	THIN	28/07/2010	Lâm Đồng	Nam	M'nông	1.0		7	7	7	7	29.0	6.8	11.9	Trường THCS Trần Phú		NV1
131	SÙNG XUÂN	TRƯỜNG	17/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0		7	7	7	7	29.0	6.8	11.5	Trường THCS Trần Phú		NV1
132	HÀ VIỆT	DŨNG	07/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Tày	1.0		7	7	7	7	29.0	6.7	12.1	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
									Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
133	NGUYỄN ANH	TÚ	11/04/2010	Bình Định	Nam	Kinh			6	7	7	9	29.0	6.7	11.4	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
134	RƠ NANG Y DUY	KHÔI	18/01/2010	Lâm Đồng	Nam	m'nông	1.0		7	7	7	7	29.0	6.5	11.7	Trường THCS Trần Phú		NV1
135	SÙNG MINH	HÀ	25/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0		7	7	7	7	29.0	6.4	10.8	Trường THCS Trần Phú		NV1
136	GIÀNG A	DẢY	27/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0		7	7	7	7	29.0	6.3	11.4	Trường THCS Trần Phú		NV1
137	SÙNG SEO	LIỀN	27/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0		7	7	7	7	29.0	6.1	10.5	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
138	PANG TAS Y	TÝ	31/08/2010	Lâm Đồng	Nam	M'nông	1.0		7	7	7	7	29.0	6.0	10.9	Trường THCS Trần Phú		NV1
139	DƠNG RIẾH Y	THUYẾT	24/05/2010	Lâm Đồng	Nam	M'nông	1.0		7	7	7	7	29.0	5.9	10.7	Trường THCS Trần Phú		NV1
140	PANG TING Y	THỨC	23/10/2009	Lâm Đồng	Nam	M'nông	1.0		7	7	7	7	29.0	5.7	10.3	Trường THCS Trần Phú		NV1
141	TRẦN NGUYỄN CẨM	TIÊN	10/07/2010	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	1.0		7	7	7	6	28.0	7.3	13.4	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
142	LÝ THỊ	TÂN	07/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0		7	7	6	7	28.0	6.9	11.6	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
143	HOÀNG BẢO	HUY	06/04/2010	Đắk Lắk	Nam	Kinh			7	7	7	7	28.0	6.8	12.2	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
144	TÔ LÙNG KA	LOAN	13/04/2009	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	1.0		7	7	7	6	28.0	6.7	13.1	Trường PT DTNT THCS huyện Đam Rông	TN THCS trường PT DTNT	TT
145	TRẦN THIỆN	NHÂN	25/12/2010	Đắk Lắk	Nam	Kinh			7	7	7	7	28.0	6.5	11.7	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
146	PHẠM MINH	TUẤN	13/11/2010	Thái Bình	Nam	Kinh			7	7	7	7	28.0	6.4	12.0	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
147	GIÀNG SEO	NHÀ	23/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0		6	7	7	7	28.0	6.3	11.0	Trường THCS Trần Phú		NV1
148	NHƯ MINH	TẤN	07/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0		7	6	7	7	28.0	6.2	11.2	Trường THCS Trần Phú		NV1
149	NGUYỄN GIA	HUY	29/04/2010	Thanh Hóa	Nam	Kinh			7	7	7	7	28.0	6.2	10.6	Trường THCS Trần Phú		NV1
150	PANG TAS Y NA	RÔ	28/05/2010	Lâm Đồng	Nam	M'nông	1.0		7	6	7	7	28.0	6.0	10.8	Trường THCS Trần Phú		NV1
151	PHI SRỠN Y A	BÍT	29/07/2010	Lâm Đồng	Nam	M'nông	1.0		7	7	6	7	28.0	6.0	10.4	Trường THCS Trần Phú		NV1
152	PANG LUT Y	BẰNG	08/07/2010	Lâm Đồng	Nam	M'nông	1.0		6	7	7	7	28.0	5.9	10.3	Trường THCS Trần Phú		NV1
153	VÀNG THỊ	MỲ	17/10/2009	Lâm Đồng	Nữ	Mông	1.0		6	7	7	7	28.0	5.9	10.2	Trường THCS Trần Phú		NV1
154	NGUYỄN ANH	DŨNG	30/03/2009	Đồng Nai	Nam	Kinh	1.0		6	7	7	7	28.0	5.6	10.2	Trường THCS Trần Phú		NV1
155	TĂNG NGUYỄN BẢO	LONG	18/11/2010	Nam Định	Nam	Kinh			7	6	6	8	27.0	7.3	14.3	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
156	LÊ TRẦN BẢO	CHÂU	22/06/2010	Đắk Lắk	Nữ	Kinh			6	7	5	9	27.0	7.1	12.2	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
157	ĐỖ THỊ KIM	CHI	12/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0		7	7	6	6	27.0	7.0	11.9	Trường THCS Trần Phú		NV1
158	PHẠM HOÀNG	THIỆN	18/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	6	6	9	27.0	6.7	12.9	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
159	NGUYỄN THÁI	BẢO	07/11/2009	Đắk Lắk	Nam	Kinh			6	7	7	7	27.0	6.7	10.6	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
160	VŨ THỊ THANH	HOA	04/06/2010	Đắk Lắk	Nữ	Kinh			7	6	7	7	27.0	6.4	12.4	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
161	LÝ VĂN	THIỆN	18/08/2009	Đắk Lắk	Nam	H'Mông	1.0		6	7	6	7	27.0	6.4	10.2	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
									Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
162	ĐỖ TRUNG	TÌNH	27/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	6	7	27.0	6.1	11.8	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
163	NGUYỄN QUỐC	HOÀN	23/02/2010	Thanh Hoá	Nam	Kinh			6	7	7	7	27.0	5.9	10.5	Trường TH,THCS&THPT Hoàng Việt		NV1
164	RƠ NANG Y	BÌNH	10/12/2010	Lâm Đồng	Nam	M'nông	1.0		7	6	6	7	27.0	5.9	10.0	Trường THCS Trần Phú		NV1
165	PHI S RÔN Y	TRỌNG	23/09/2009	Lâm Đồng	Nam	M'nông	1.0		6	6	7	7	27.0	5.8	10.8	Trường THCS Trần Phú		NV1
166	TRẦN VĂN	TÀI	23/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	6	5	9	26.0	7.6	13.1	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
167	PHẠM HOÀNG	LONG	11/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	6	6	7	26.0	6.9	12.0	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
168	DƯƠNG QUÂN	BẢO	12/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	6	6	7	26.0	6.6	10.7	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
169	NÔNG GIA	BẢO	08/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Tày	1.0		6	6	6	7	26.0	6.5	11.3	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
170	NGUYỄN TRUNG	THIỆN	27/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0		6	7	6	6	26.0	6.0	10.2	Trường THCS Trần Phú		NV1
171	TRẦN ANH	DUY	21/06/2010	Đồng Nai	Nam	Kinh			6	7	6	7	26.0	6.0	10.1	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
172	VỪ A	THÀNH	16/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0		6	6	7	6	26.0	5.9	10.7	Trường THCS Trần Phú		NV1
173	SÙNG SEO	KHÁI	05/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Mông	1.0		6	6	6	7	26.0	5.8	10.1	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
174	ĐÀO ĐỨC	TẤN	02/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	7	6	7	26.0	5.7	10.3	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
175	TRẦN ĐÌNH	PHONG	08/09/2010	Bình Định	Nam	Kinh			6	6	6	7	25.0	6.6	12.3	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
176	NGUYỄN BẢO	NAM	28/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	6	6	7	25.0	6.6	11.4	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
177	NGUYỄN THÀNH	LONG	04/03/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh			6	6	6	7	25.0	6.0	10.0	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
178	TRẦN GIA	BẢO	03/02/2010	Đắk Lắk	Nam	Kinh			6	7	6	6	25.0	5.8	10.3	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
179	PHẠM MINH	ANH	14/04/2010	Đắk Lắk	Nam	Kinh			5	6	6	7	24.0	6.4	10.2	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
180	CÙ ĐỨC	GIANG	19/07/2010	Bình Thuận	Nam	Kinh			6	6	5	7	24.0	6.1	10.1	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1
181	MAI XUÂN	CƯỜNG	14/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	6	6	6	24.0	5.3	8.7	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
									Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
182	NGUYỄN THÀNH	NAM	05/03/2009	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	5	6	6	23.0	6.8	10.9	Trường THCS Lê Hồng Phong		NV1

Danh sách này có 182 học sinh./.

DUYỆT KẾT QUẢ TUYỂN SINH CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Công nhận trúng tuyển 182 học sinh, trong đó:

Số HS tuyển thẳng: 10 HS gồm: HS trường PT DTNT : 10 HS, HS khuyết tật: 0 HS

Số HS nguyện vọng 1: 172 HS,

Điểm chuẩn NV1 gồm: Tổng điểm: 23.0 điểm; Điểm TBCN lớp 9: 6.8 Điểm; Điểm Toán + Văn: 10.9 điểm

Số HS nguyện vọng 2: 0 HS,

Điểm chuẩn NV2 gồm: Tổng điểm: ..... điểm; Điểm TBCN lớp 9: ..... Điểm; Điểm Toán + Văn: ..... điểm

Số lớp: 4 lớp; Sĩ số: 46 HS/lớp

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 7 năm 2025

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÂM ĐỒNG

Trần Đức Lợi

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHAN ĐÌNH PHÙNG

Chung Tiến Thành